

学生スケジュール（例）

	日付/曜日	11/18	11/19	11/20	11/21	11/22	11/23	11/24	11/25	11/26	11/27	11/28	11/29	11/30	12/1	12/2	12/3	12/4	12/5	12/6	12/7	12/8	12/9	12/10	12/11	12/12	12/13	12/14	12/15
	学生氏名	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日
1	学生①		調剤	調剤	調剤	調剤			B3W	B3W	B3W	B3W	B3W			B3W	B3W	B3W	B3W	B3W			B3W	外注	外注	外注	Ope		
2	学生②		調剤	調剤	調剤	調剤			調剤	注射	注射	混注	管/注			DI	DI	DI	DI	DI			B5	B5	B5	B5	B5		
3	学生③		注射	注射	混注	管/注			調剤	調剤	調剤	調剤	調剤			研究	研究	研究	研究	研究			DI	DI	DI	DI	DI		
4	学生④		C3	C3	C3	C3			C3	調剤	調剤	調剤	調剤			調剤	C3	C3	C3	C3			C3	C3	C3	C3	C3		
5	学生⑤		外注	外注	外注	Ope			DI	DI	DI	DI	DI			調剤	調剤	調剤	調剤	調剤			研究	研究	研究	研究	研究		
6	学生⑥		C5	C5	C5	C5			C5	C5	C5	C5	C5			C5	調剤	調剤	調剤	調剤			調剤	注射	注射	混注	管/注		
7	学生⑦		DI	DI	DI	DI			研究	研究	研究	研究	研究			注射	注射	注射	混注	管/注			調剤	調剤	調剤	調剤	調剤		
8	学生⑧		C4	C4	C4	C4			C4	外注	外注	外注	Ope			C4	C4	C4	C4	C4			C4	調剤	調剤	調剤	調剤		
9	学生⑨		B4	B4	B4	B4			B4	B4	B4	B4	B4			B4	外注	外注	外注	Ope			B4	B4	B4	B4	B4		
10	学生⑩		研究	研究	研究	研究			A4	A4	A4	A4	A4			A4	A4	A4	A4	A4			A4	A4	A4	A4	A4		
11																													
12																													
13																													
14																													
15																													

学生氏名	日付	12/16	12/17	12/18	12/19	12/20	12/21	12/22	12/23	12/24	12/25	12/26	12/27	12/28	12/29	12/30	12/31	1/1	1/2	1/3	1/4	1/5	1/6	1/7	1/8	1/9	1/10	1/11	1/12
	曜日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日
1	学生①	研究	研究	研究	研究	研究			調剤	調剤	調剤	C5	C5										注射	注射	注射	混注	管/注		
2	学生②	B3W	B3W	B3W	B3W	B3W			B3W	B3W	B3W	調剤	調剤										調剤	B3W	B3W	B3W	B3W		
3	学生③	Ope	外注	外注	外注	B3S			B3S	B3S	B3S	B3S	B3S										B3S	調剤	調剤	調剤	B3S		
4	学生④	DI	DI	DI	DI	DI			研究	研究	研究	研究	研究										C5	C5	C5	C5	C5		
5	学生⑤	注射	注射	注射	混注	管/注			C3	C3	C3	C3	C3										C3	C3	C3	C3	調剤		
6	学生⑥	B4	B4	B4	B4	B4			B4	外注	外注	外注	Ope										DI	DI	DI	DI	DI		
7	学生⑦	C4	C4	C4	C4	C4			C4	C4	C4	C4	C4										Ope	外注	外注	外注	C4		
8	学生⑧	調剤	A4	A4	A4	A4			DI	DI	DI	DI	DI										A4	A4	A4	A4	A4		
9	学生⑨	調剤	調剤	調剤	調剤	調剤			B5	B5	B5	B5	B5										研究	研究	研究	研究	研究		
10	学生⑩	B1	調剤	調剤	調剤	調剤			B1	注射	注射	混注	管/注										B1	B1	B1	B1	B1		
11																													
12																													
13																													
14																													
15																													

学生氏名	日付	1/13	1/14	1/15	1/16	1/17	1/18	1/19	1/20	1/21	1/22	1/23	1/24	1/25	1/26	1/27	1/28	1/29	1/30	1/31	2/1	2/2	2/3	2/4	2/5	2/6	2/7	2/8	2/9	
	曜日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	
1	学生①		C4	C4	C4	C4			C4	C4	C4	C4	C4			DI	DI	DI	DI	DI			C4	C4	C4	C4	C4			
2	学生②		B4	B4	B4	B4			B4	外注	外注	外注	Ope			研究	研究	研究	研究	研究			B4	B4	B4	B4	B4			
3	学生③		A4	A4	A4	A4			A4	A4	A4	A4	A4			A4	A4	A4	A4	A4			A4	A4	A4	A4	A4			
4	学生④		注射	注射	混注	管/注			調剤	調剤	調剤	B1	B1			B1	外注	外注	外注	Ope			B1	B1	B1	B1	B1			
5	学生⑤		調剤	B5	B5	B5			B5	B5	B5	B5	B5			B5	B5	B5	B5	B5			B5	B5	B5	B5	B5			
6	学生⑥		A4	調剤	調剤	調剤			研究	研究	研究	研究	研究			A4	A4	A4	A4	A4			A4	A4	A4	A4	A4			
7	学生⑦		B3S	B3S	B3S	B3S			B3S	B3S	B3S	調剤	調剤			調剤	B3S	B3S	B3S	B3S	B3S			B3S	B3S	B3S	B3S	B3S		
8	学生⑧		B3W	研究	研究	研究			B3W	B3W	B3W	B3W	B3W			注射	注射	注射	混注	管/注			B3W	B3W	調剤	調剤	調剤			
9	学生⑨		DI	DI	DI	DI			注射	注射	注射	混注	管/注			C3	調剤	調剤	調剤	調剤	C3			C3	C3	C3	C3	C3		
10	学生⑩		外注	外注	外注	Ope			DI	DI	DI	DI	DI			C5	C5	C5	C5	調剤			調剤	調剤	C5	C5	C5			
11																														
12																														
13																														
14																														
15																														

※病棟：緑色（A4やC4など） 外注：外来化学療法 灰色：休日